

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HỆN TRÀ CÚ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-3-2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Truyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Thạch Kim Hạnh

Bà Phước Thị Kim Huê

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:** Ông Kim Sum – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 586/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ ấp Ô R, xã PhH, huyện Tr C, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Đ:* Ông Trầm Phú L- Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Thái Hải- Chi nhánh Trà Vinh; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn S, sinh năm 1983. Địa chỉ ấp Ô Rg, xã PhH, huyện Tr C, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Cao Văn S tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PhH, huyện Tr C vào năm 2005, đến ngày 11/10/2006 chị sinh con

tên Cao Văn H. Quá trình chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn gia đình, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn S, chị Đ yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung Cao Văn H, sinh ngày 11/10/2006 không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do hiện nay đi làm xa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/02/2021, tờ tường trình ngày 03/3/2021 bị đơn anh Cao Văn S trình bày việc anh kết hôn với chị Đ và có đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Bị đơn anh S cho rằng thuận vợ chồng là do tính tình không hợp, nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh và yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Cao Văn H, sinh ngày 11/10/2006 thì anh cũng đồng ý. Về nợ chung không có, về tài sản chung anh sẽ giải quyết với chị Đ bằng vụ kiện khác nếu có tranh chấp, hiện nay anh đi làm ở Đồng Nai không xin nghỉ về tham gia phiên tòa xét xử vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi luận cứ bảo vệ cho chị Đ. Nội dung luận cứ như sau: Chị Đ và anh S xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P H, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh vào năm 2005 đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nhưng theo chị Đ khai khoảng năm 2018 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh chị sống ly thân với nhau, thời gian ly thân anh chị không quan tâm lẫn nhau. Khi Tòa án hòa giải anh S cũng đồng ý ly hôn với chị Đ và đồng ý giao con cho chị Đ tiếp tục nuôi. Do đó, đề nghị áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Đ cho chị Đ ly hôn với anh S, giao con chung Cao Văn H, sinh ngày 11/10/2006 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đ không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chị Đ, người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đ và anh Cao Văn S vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt chị Đ, anh Cao Văn S và người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đ là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Cao Văn S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph H, huyện TrC đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh S là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ và anh S có lời khai

thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể sống chung được và thuận tình ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh S. Về con chung anh S đồng ý giao con chung Cao Văn H cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh S không cấp dưỡng nuôi con nên cần công nhận. Về tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không xem xét. Về án phí chị Đ phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đ và bị đơn anh Cao Văn S vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Cao Văn S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PhH, huyện Tr C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2005 đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ với anh S là hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau đó thì anh chị xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh chị sống ly thân với nhau, thời gian ly thân anh chị không quan tâm lẫn nhau và đều có lời khai thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, do chị Đ và anh S đều vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ và sự đồng ý ly hôn của bị đơn anh S, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đ với anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh S đồng ý giao con chung Cao Văn H, sinh ngày 11/10/2006 cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh S không cấp dưỡng nuôi con nên cần công nhận.

[4] Về tài sản chung không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung không có

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Đ không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu án phí.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Đ và của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Cao Văn S.

Về con chung: Giao cháu Cao Văn H, sinh ngày 11/10/2006 cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh Cao Văn S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Đ có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của anh S.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Cao Văn S không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003316 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án Hện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí. Bị đơn anh Cao Văn S không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ và bị đơn anh Cao Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND Hện Trà Cú;
- CCTHADS Hện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Phước Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Truyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Truyền**

